

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để
thi hành án”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Trương Thị Sen.

Thư ký phiên họp: ông Nguyễn Văn Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên họp: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 106/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Kim H, sinh năm: 1982;

+ Ông Hà Đức V, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh N.

Tại phiên họp, bà N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà H, ông V đều vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 03/8/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết việc dân sự và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người yêu cầu - bà Nguyễn Thị N trình bày:

Theo bản án số 26/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân

huyện Quế Sơn buộc bà Nguyễn Kim H phải trả cho bà N số tiền 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng, nhưng đến nay bà H không chấp hành bản án, bà đã yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn thi hành án đối với bà H.

Đến ngày 01/8/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn có Thông báo số 431/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án của bà Nguyễn Kim H và ông Hà Đức V.

Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn giải quyết xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông V để thi hành án tài sản của bà H trả lại cho bà số tiền nợ. Tài sản của bà H và ông V gồm: 01 chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02, chủ xe: Hà Đức V và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13, chủ xe: Hà Đức V.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/8/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Kim H trình bày: bà không có nợ bà N số tiền 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng như bà N trình bày. Đối với tài sản gồm: 01 chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02 và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13 là tài sản riêng của chồng bà - ông Hà Đức V, vợ chồng bà không có tài sản chung nên không đồng ý yêu cầu của bà N về việc xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà để thi hành án.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Kim H và ông Hà Đức V nhưng vợ chồng ông, bà không đến Tòa làm việc, ông V không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: đề nghị Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 27, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 218 và 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, 38, 39 và khoản 1, 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án, cụ thể: xác định bà Nguyễn Kim H có 50% phần quyền sở hữu đối với

01 xe ô tô biển kiểm soát 92A-113.02 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1-385.13.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Kim H cư trú tại thôn T, xã P, huyện S, tỉnh N, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H để thi hành án. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: bà N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp lần hai không có lý do nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Theo đơn người yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án - bà Nguyễn Thị N trình bày: theo bản án số 26/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn thì bà Nguyễn Kim H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 41.000.000 (*Bốn mươi một triệu*) đồng. Nhưng đến nay bà H không chấp hành bản án, bà đã yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn thi hành án đối với bà H, xác định bà H có khối tài sản chung với ông Hà Đức V gồm 01 chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02, chủ xe: Hà Đức V và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13, chủ xe: Hà Đức V.

Tại biên bản trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định: 01 chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02, chủ xe: Hà Đức V, đăng ký quyền sở hữu lần đầu ngày 11/5/2018 và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13, chủ xe: Hà Đức V, đăng ký quyền sở hữu lần đầu ngày 31/3/2022.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2023 bà H xác định ông Hà Đức V đang sử dụng các tài sản gồm 01 chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02 và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13 nhưng là tài sản riêng của ông V, vợ chồng bà không có tài sản chung nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Quá trình giải quyết việc dân sự xác định bà H và ông V là vợ chồng hợp pháp, được UBND xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 15/12/2009, hiện nay vợ chồng đang chung sống tại thôn P, xã P, huyện S, tỉnh N và có các tài sản gồm 01 xe ô tô biển số kiểm soát 92A-113.02 và 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 92G1-385.13. Theo khoản 3 Điều 33 và khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”, “tài sản chung của vợ chồng được chia đôi”. Do đó, xác định 01 xe ô tô biển kiểm soát 92A-113.02 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1-385.13 là tài sản chung của bà Nguyễn Kim H, ông Hà Đức V và mỗi người có 50% phần quyền sở hữu đối với số tài sản này.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 370, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 218 và 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, 38, 39, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phân chia tài sản chung để thi hành án*”.

1. Xác định bà Nguyễn Kim H có 50% phần quyền sở hữu đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 92A-113.02 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1-385.13.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) bà Nguyễn Thị N phải chịu. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012347 ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Sen